

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 18-6-2019

V/v: Kiện đòi lại đất bị lấn chiếm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Tinh – Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2017/TLST-DS ngày 16/11/2017 về “Kiện đòi lại đất bị lấn chiếm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 31/5/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần cao su Đ L. Địa chỉ: Số 30 N, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang N; Chức vụ: Tổng giám đốc; Địa chỉ: Số 32 C, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Văn T; Chức vụ: Trợ lý Giám đốc phụ trách đất đai; Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Ông Hoàng Minh P, bà Trần Thị Hồng T; Địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Hiện ông P đang chờ chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk. Ông P vắng mặt; bà T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đại diện

theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Dương Văn Tịnh trình bày: Nông trường cao su C được thành lập theo Quyết định số 277/QĐ-UB ngày 14/6/1978 của UBND tỉnh Đắk Lắk (Nay là Công ty cổ phần Cao su Đ L-Nông trường C) là đơn vị trực thuộc của Công ty cổ phần Cao su Đ L; với nhiệm vụ chính là trồng, chăm sóc, khai thác, xuất khẩu cao su thiên nhiên.

Năm 2002 Nông trường cao su C được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U.19.244, diện tích 31.579.731 m² theo Quyết định số 2741/QĐ-UB ngày 15/10/2002. Đến năm 2013 Nông trường cao su C được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145, diện tích 23.171.158 m² đất nông nghiệp theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 20/8/2013 cho thuê đất thời hạn 50 năm đến năm 2043.

Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và của Công ty, năm 2015 và năm 2016 Nông trường cao su C tổ chức trồng tái canh cây cao su trên một số diện tích đất thanh lý thuộc quỹ đất của Nông trường quản lý, sử dụng thì bị người dân địa phương lấn chiếm. Trong đó có trường hợp của vợ chồng ông Hoàng Minh P, bà Trần Thị Hồng T đã lấn chiếm khoảng 6.154 m² diện tích đất của Nông trường được Nông trường xác định và đo đạc ban đầu; tuy nhiên theo kết quả đo đạc hiện trạng đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk lập thì diện tích đất ông P, bà T lấn chiếm là 6.124,7m²; thuộc thửa đất số 71, thửa đất số 72 tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/5/2014.

Sau khi phát hiện việc lấn chiếm đất của ông P, bà T, Nông trường đã lập biên bản về việc ông P, bà T lấn chiếm đất; đồng thời đo đạc hiện trạng diện tích đất bị lấn; yêu cầu ông P, bà T chấm dứt hành vi lấn chiếm, không được trồng cây làm thay đổi hiện trạng của đất nhưng ông P, bà T không hợp tác. Ngày 17/3/2017, Nông trường cao su đã gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân xã C giải quyết về việc ông P, bà T chiếm đất của Nông trường; Ngày 28/4/2017 Hội đồng hòa giải xã C tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Việc ông P, bà T tự ý lấn chiếm đất do Nông trường cao su Đắk Lắk quản lý là vi phạm. Do đó, Công ty Cổ phần Cao su Đ L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, bà T phải trả lại cho Công ty Cổ phần Cao su Đ L diện tích 6.124,7 m²; thuộc thửa đất số 71, thửa đất số 72 tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/5/2014; vị trí đất lấn chiếm có tứ cận như sau:

Phía đông giáp đất của ông Trần Nhân T;

Phía tây giáp đất cao su của Nông trường;

Phía nam giáp đất cao su của Nông trường;

Phía bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn L.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn ông Hoàng Minh P trình bày:

Theo đơn khởi kiện của Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk khởi kiện vợ chồng ông P, bà T lấn chiếm đất thuộc nông trường cao su C là không đúng. Năm 1996, ông P khai hoang và phục hóa một diện tích đất khoảng 06 sào tại đội 1, thôn Q, xã C, huyện K nhưng vì điều kiện chưa làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông P trồng 500 cây cà phê, đến năm 2016 ông P nhổ cà phê để chuyển đổi trồng hồ tiêu bằng trụ bông gòn; cùng năm 2016 ông P có trồng thêm khoảng 200 cây bơ booth. Ông P có lấn diện tích khoảng 700 m², phần đất này trước đây ông Ng sử dụng, tuy nhiên phần đất ông Ng sử dụng đã trả cho Nông trường cao su.

Tại đơn trình bày ngày 07/5/2019 ông P trình bày: Năm 1996 ông P có khai hoang diện tích đất khoảng 4 sào; có tứ cận: Phía đông giáp ông T, phía tây giáp đất cao su của nông trường, phía nam giáp đất ông Ng, phía bắc giáp đất ông L. Năm 2016 ông P nhận chuyển nhượng của ông Ng khoảng 02 sào giáp phần đất trên với giá 30.000.000 đồng. Ông P đã trồng khoảng 300 cây bơ booth và có chết một số cây. Hiện ông P chuẩn bị đi chấp hành án phạt tù nên ông P không tham gia được vụ án, đợi đến khi ông chấp hành án xong ông P mới tham gia phiên tòa. Ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty; nếu công ty mua lại phần đất trên với giá 300.000.000 đồng thì ông P đồng ý.

Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Trần Thị Hồng T trình bày:

Bà T là vợ của ông P, là giáo viên trường mầm non Ban Mai tại xã C. Bà T đi dạy học cả ngày và thường xuyên; việc vườn rẫy đều do ông P làm, bà T không biết. Diện tích đất Công ty cổ phần cao su Đ L kiện đòi là do chồng bà, ông P nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông T, bà Ng ở đội 1, khoảng 06 sào. Việc chuyển nhượng do ông P thực hiện nên bà T không rõ. Tuy nhiên thời gian gần đây ông P không canh tác gì trên đất nữa. Nay Công ty cổ phần cao su Đ L khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông P phải trả lại 6,124,7 m² đất, bà T không liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập vợ chồng ông Bùi Văn Ng và bà Nguyễn Thị T (Trú tại: Thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) đến làm việc để làm rõ nội dung liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo lời trình bày của ông P, bà T nhưng ông Ng bà T không hợp tác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện

đúng chức năng nhiệm vụ của mình đối trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật kiện đòi lại đất bị lấn chiếm theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Ngày 16/11/2017, Công ty TNHH một thành viên Cao su Đ L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P, bà T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm tại thôn Q, xã C, huyện K. Ngày 01/10/2018 Công ty TNHH một thành viên Cao su Đ L chuyển đổi thành Công ty Cổ phần cao su Đ L có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Theo quy định tại Điều 10 Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ thì Công ty Cổ phần cao su Đ L thừa kế toàn bộ các quyền và nghĩa vụ từ Công ty TNHH một thành viên Cao su Đ L. Vì vậy, trong vụ án này Công ty Cổ phần cao su Đ L là nguyên đơn, kế thừa các quyền và nghĩa vụ tố tụng của Công ty TNHH một thành viên Cao su Đ L là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Bị đơn ông P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 14/5/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa được mở lại vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 18/6/2019. Tuy nhiên, ngày 08/6/2019, ông P đi chấp hành án phạt tù và hiện đang chờ chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk; Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk đã có Công văn gửi Công an tỉnh Đắk Lắk đề nghị phối hợp trích xuất ông P đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử. Ngày 13/6/2019, Tòa án nhân dân huyện Krông Búk nhận được Công văn số 316/CQQLTG-TG ngày 07/6/2019 của Cơ quan quản lý tạm giữ, tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk trả lời chưa thể trích xuất được ông P mà cần có công văn trao đổi với Công an huyện K để Công an huyện K làm thủ tục đề nghị cấp trên xem xét giải quyết. Bà T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án ông P đã có lời trình bày, Tòa án đã triệu tập ông P đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P

không tham gia; hiện ông P đang phải chờ chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk nên không thể trích xuất ông P đến tham gia phiên tòa xét xử được còn đối với bà T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ kiện:

Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần cao su Đ L, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 15/10/2002, Nông trường cao su C được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U.19.244, diện tích 31.579.731 m² theo Quyết định số 2741/QĐ-UB; Sau đó, do rà soát lại hiện trạng sử dụng đất theo Quyết định 64/2005/QĐ-UBND ngày 15/12/2005 của UBND tỉnh Đắk Lắk nên ngày 20/8/2013 Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145, diện tích 23.171.158m² đất nông nghiệp theo Quyết định số 1730/QĐ-UBND cho Công ty Cổ phần cao su Đ L thuê đất thời hạn 50 năm, đến năm 2043; vị trí được cấp tại xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Tại Điều 1 Quyết định 1730 thể hiện quyết định cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV cao su Đ L – Nông trường cao su C nay là Công ty cổ phần cao su Đ L thuê 23.171.158 m² đất tại xã C, huyện K, cụ thể: Đất trồng cây lâu năm và đất giao thông (đường lô sản xuất): diện tích 23.128.297 m², thuộc các tờ bản đồ địa chính số: 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 15; vị trí, diện tích, ranh giới thửa đất được xác định theo các tờ trích lục bản đồ địa chính số 1306, 1307, 1308, 1309, 1310, 1311, 1312, 1313, 1314, 1315, 1316, 1317, 1318, 1319, 1320, 1321/TL- ĐKQSDDD do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đắk Lắk lập ngày 13/12/2012. Vì vậy, Công ty Cổ phần cao su Đ L là chủ thể có quyền khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật và các điều khoản liên quan đến quyền bề mặt theo quy định tại các điều 267, 268, 269, 270, 271 của Bộ luật dân sự.

[3.1]. Quá trình Nông trường cao su C quản lý, sản xuất diện tích đất được thuê, khoảng tháng 3/2016 ông P, bà T đã lấn chiếm một phần diện tích đất. Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc hiện trạng đất do Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk – Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk thể hiện ông P, bà T đã lấn chiếm 6.124,7m² diện tích đất cao su Nông trường; thuộc thửa đất số 71, thửa đất số 72 tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại vị trí thôn Q, xã C, huyện K, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/5/2014; vị trí đất lấn chiếm có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất của ông Trần Nhân T, cạnh dài 76,15m;
- Phía tây giáp đất cao su của Nông trường; cạnh dài 76,72m;
- Phía nam giáp đất cao su của Nông trường; cạnh dài 76,93m;

- Phía bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn L, cạnh dài 83,55m.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3.2]. Xét các lời khai, ý kiến trình bày của bị đơn ông P trong quá trình giải quyết vụ án: Ông P cho rằng diện tích đất mà nguyên đơn khởi kiện có nguồn gốc là của ông P khai hoang, phục hóa vào năm 1996 và một phần đất là nhận chuyển nhượng từ ông Ng, bà T với giá 30.000.000 đồng, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị nếu Công ty mua lại phần đất trên với giá 300.000.000 đồng thì ông đồng ý. Tuy nhiên, ông P không cung cấp cho Tòa án chứng cứ thể hiện việc khai hoang đất cũng như việc nhận chuyển nhượng đất với ông Ng, bà T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập vợ chồng ông Bùi Văn Ng và bà Nguyễn Thị T để làm rõ nội dung liên quan có hay không việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo lời trình bày của ông P, bà T nhưng ông Ng, bà T không hợp tác; cũng chính ông P thừa nhận là ông có lấn chiếm một phần đất cao su của Nông trường nhưng phần đất này ông Ng đã trả lại cho Nông trường. Tại biên bản họp các hộ lấn chiếm đất vào ngày 18/3/2016 tại Nông trường cao su C, ông Bùi Văn Ng đã có ý kiến trình bày “*Đã cắt và nhổ gốc cà phê nằm trong diện giải tỏa để trồng tái canh cây cao su tại lô 36 mà gia đình đã xác nhận*”. Tại các biên bản làm việc của Nông trường cao su từ tháng 3/2016 đến tháng 6/2016 đều thể hiện việc ông P lấn chiếm đất và trồng cây trên diện tích đất của Nông trường; tại biên bản làm việc ngày 06/5/2016 đại diện của Nông trường cùng với Công an xã C cũng thể hiện việc ông P trồng cây vông trên đất. Từ những tài liệu, chứng cứ đã nêu Hội đồng xét xử xét thấy lời khai cũng như yêu cầu của ông P là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[3.3]. Đối với các tài sản là cây trồng trên đất đang tranh chấp: Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk thì trên diện tích đất đang tranh chấp ông Hoàng Minh P đã trồng 90 cây bơ booth, việc ông P trồng cây trên đất lấn chiếm là bất hợp pháp, nên cần buộc ông P phải tiến hành di dời các cây trồng trên phần diện tích đất lấn chiếm để trả lại hiện trạng đất cho nguyên đơn sử dụng theo đúng mục đích sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí hợp đồng đo đạc với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk, nguyên đơn tự nguyện chịu và đã thanh toán với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk theo quy định. Đối với chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 2.500.000đ nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp và chi phí xong.

[5]. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166, Điều 267, Điều 268, Điều 269, Điều 270, Điều 271 Bộ luật dân sự;

- Điều 12, Điều 170 Luật đất đai năm 2013.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần cao su Đ L.

Buộc bị đơn ông Hoàng Minh P, bà Trần Thị Hồng T phải trả cho Công ty cổ phần cao su Đ L diện tích đất là 6.124,7m²; tọa lạc tại vị trí thôn Q, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; thuộc thửa đất số 71, thửa đất số 72 tờ bản đồ số 05 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 800145 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 06/5/2014; vị trí đất có tứ cận như sau:

- Phía đông giáp đất của ông Trần Nhân T, cạnh dài 76,15m;
- Phía tây giáp đất cao su của Nông trường; cạnh dài 76,72m;
- Phía nam giáp đất cao su của Nông trường; cạnh dài 76,93m;
- Phía bắc giáp đất của ông Nguyễn Văn L, cạnh dài 83,55m.

Ông P, bà T phải di dời cây trồng trên phần diện tích đất lấn chiếm trên để trả lại hiện trạng đất cho Công ty cổ phần cao su Đ L.

2. Về chi phí hợp đồng đo đạc với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đắk Lắk, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này (đã chi phí xong).

3. Về án phí:

Bị đơn ông Hoàng Minh P, bà Trần Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần cao su Đ L số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2016/0001392 ngày 16/11/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Thị Hoa Lý